

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI 2

PHỤ LỤC
Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHSPHN2 ngày tháng 6 năm 2025 của Trường ĐHSP Hà Nội 2)

Bảng 1. Quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang thang điểm 10¹

TT	Tiếng Anh							Tiếng Trung Quốc HSK, HSKK, TOCFL	Điểm quy đổi (thang điểm 10)
	IELTS	TOEFL iBT ²	APTIS ESOL		Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	Pearson English International Certificate (PEIC)	Cambridge Assessment English		
			General	Advanced					
1	5.5	65-78	B1	B1	43-58	Level 2	- B1 Preliminary - B1 Business Preliminary - Linguaskill: thang điểm 140-159	Cấp độ 3, HSKK sơ cấp ≥60 điểm	9.0
2	6.0	79-87	B2	B2	59-75	Level 3	- B2 First - B2 Business Vantage - Linguaskill: thang điểm 160-179	Cấp độ 4, HSKK trung cấp ≥60 điểm	9.5
3	6.5	88-95	C	C1	76-84	Level 4	- C1 Advanced - C1 Business Higher - Linguaskill: thang điểm 180+	Cấp độ 5, HSKK cao cấp ≥60 điểm	10

TT	Tiếng Anh							Tiếng Trung Quốc HSK, HSKK, TOCFL	Điểm quy đổi (thang điểm 10)
	IELTS	TOEFL iBT ²	APTIS ESOL		Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	Pearson English International Certificate (PEIC)	Cambridge Assessment English		
			General	Advanced					
4	7.0	96-101		C2	85-90	Level 5	C2 Proficiency	Cấp độ 6, HSKK cao cấp ≥60 điểm	10
5	7.5	102-109				Level 6			10
6	8.0-9.0	110-120							10

Lưu ý: ¹Sẽ điều chỉnh khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

²Không sử dụng TOEFL iBT Home Edition.

Bảng 2. Kế hoạch đăng ký, xét tuyển

STT	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện
1	Thí sinh tốt nghiệp năm 2025 thực hiện tạo tài khoản đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện theo kế hoạch của Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố
2	Thí sinh (đã tốt nghiệp THPT) chưa có tài khoản ĐKXT trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên hệ Sở GD&ĐT các tỉnh, thành phố để được cấp tài khoản	Từ ngày 10/7 đến ngày 20/7/2025
3	Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng (NV) xét tuyển (không giới hạn số lần) trong thời gian quy định trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Từ ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025
4	Công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển quy đối tượng đương trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trang thông tin điện tử của Nhà trường	Trước 17 giờ 00 Ngày 23/7/2025
5	Thí sinh đăng ký quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ đối với phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 trên Hệ thống tuyển sinh của Trường ĐHSP Hà Nội 2	Từ 09h00 ngày 14/7 đến 17h00 ngày 21/7/2025
6	Cập nhật kết quả quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ lên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17 giờ 00 ngày 28/7/2025
7	Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT	Từ ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 05/8/2025
8	Tổ chức xét tuyển	Từ ngày 13/8/2025 đến 17h00 ngày 20/8/2025

STT	Nội dung triển khai	Thời gian thực hiện
9	Thông báo thí sinh trúng tuyển đợt 1	Trước 17 giờ 00 ngày 22/8/2025
10	Thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến đợt 1 trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trước 17 giờ 00 Ngày 30/8/2025

Ghi chú: Thí sinh tự do (đã tốt nghiệp THPT) tốt nghiệp trước năm 2025 có nhu cầu xét tuyển phải thực hiện đăng ký và nhập đầy đủ thông tin phục vụ tuyển sinh trên Hệ thống theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 3. Tổ hợp gốc và ngưỡng đầu vào (theo kết quả thi tốt nghiệp THPT) của môn cốt lõi trong các tổ hợp xét tuyển

TT	Mã ngành	Ngành tuyển sinh	Tổ hợp gốc	Môn cốt lõi
1	7140201	Giáo dục Mầm non	Ngữ văn	NK1
			Lịch sử	
			NK1	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	Toán	Ngữ văn
			Ngữ văn	
			Tiếng Anh	
3	7140204	Giáo dục công dân	Ngữ văn	GDKT&PL
			Lịch sử	
			GDKT&PL	
4	7140206	Giáo dục Thể chất	Toán	NK2
			Sinh học	
			NK2	
5	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Ngữ văn	Ngữ văn
			Toán	
			Tiếng Anh	
6	7140209	Sư phạm Toán học	Toán	Toán
			Vật lí	
			Hoá học	
7	7140210	Sư phạm Tin học	Toán	Toán
			Vật lí	
			Hoá học	
8	7140211	Sư phạm Vật lí	Toán	Vật lí
			Vật lí	
			Tiếng Anh	

TT	Mã ngành	Ngành tuyển sinh	Tổ hợp gốc	Môn cốt lõi
9	7140212	Sur phạm Hóa học	Toán	Hoá học
			Vật lí	
			Hoá học	
10	7140213	Sur phạm Sinh học	Toán	Sinh học
			Hoá học	
			Sinh học	
11	7140217	Sur phạm Ngữ văn	Ngữ văn	Ngữ văn
			Lịch sử	
			Địa lí	
12	7140218	Sur phạm Lịch sử	Ngữ văn	Lịch sử
			Lịch sử	
			Địa lí	
13	7140219	Sur phạm Địa lí (dự kiến)	Ngữ văn	Địa lí
			Lịch sử	
			Địa lí	
14	7140231	Sur phạm Tiếng Anh	Ngữ Văn	Tiếng Anh
			Toán	
			Tiếng Anh	
15	7140247	Sur phạm Khoa học tự nhiên	Toán	Toán
			Vật lí	
			Sinh học	
16	7140249	Sur phạm Lịch sử - Địa lí	Ngữ văn	Lịch sử
			Địa lí	
			Lịch sử	

TT	Mã ngành	Ngành tuyển sinh	Tổ hợp gốc	Môn cốt lõi
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngữ văn	Tiếng Anh
			Toán	
			Tiếng Anh	
18	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán	Tiếng Anh
			Ngữ văn	
			Tiếng Anh	
19	7310403	Tâm lý học giáo dục	Ngữ văn	Ngữ văn
			Lịch sử	
			Địa lí	
20	7310630	Việt Nam học	Ngữ văn	Ngữ văn
			Lịch sử	
			Địa lí	
21	7420201	Công nghệ sinh học	Toán	Sinh học
			Hoá học	
			Sinh học	
22	7440122	Khoa học vật liệu	Toán	Toán
			Vật lí	
			Tiếng Anh	
23	7520301	Kỹ thuật hóa học	Toán	Hoá học
			Vật lí	
			Hoá học	
24	7810301	Quản lý thể dục thể thao	Toán	NK2
			Sinh học	
			NK2	

TT	Mã ngành	Ngành tuyển sinh	Tổ hợp gốc	Môn cốt lõi
25	7480201	Công nghệ thông tin	Toán	Toán
			Vật lí	
			Hoá học	
26	7460112	Toán ứng dụng	Toán	Toán
			Vật lí	
			Hoá học	

Ghi chú:

- Ngưỡng đầu vào đối với môn cốt lõi trong các tổ hợp xét tuyển được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.
- Môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật thay bằng môn Giáo dục công dân đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 về trước.